

Số: 2404/2021/QĐST-HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 13 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình số 1639/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1987

Địa chỉ thường trú: 36A/8 đường 6, tổ 9, khu phố 2, phường T, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1989

Địa chỉ thường trú: 912 Nguyễn Duy Trinh, tổ 1 khu phố 4, phường P, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 36A/8 đường 6, tổ 9, khu phố 2, phường T, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Thái H.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 76, quyển số I của Ủy ban nhân dân phường P, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh chấm dứt hiệu lực kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật)

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Thái H thống nhất thỏa thuận: Giao con chung là Nguyễn Thiện N, sinh ngày 12/12/2012 cho bà Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thái H cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung ngay khi quyết định có hiệu lực pháp luật. Các bên tự thực hiện hoặc thi hành tại Chi cục Thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị P có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Thái H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo đúng thời hạn nêu trên, thì hàng tháng ông H còn phải chịu trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho bà P theo mức lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm, nếu không có thỏa thuận thì mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn được quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Thái H cùng khai không có.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng, bà Nguyễn Thị P tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0024753 ngày 24/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức. Bà P đã nộp đủ án phí, ông H không phải chịu án phí

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Thị Thanh Nga